

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒;

Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế;

Chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lưu Văn Duy

2. Ngày tháng năm sinh: 04/01/1986; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 06, Ngách 55, Ngõ 211, đường Bát Khối, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế & Quản lý, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0987.912.915; E-mail: luuvanduy@vnua.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

(1) Từ tháng 02/2009 đến tháng 07/2023: Giảng viên tại Bộ môn Kinh tế nông nghiệp & Chính sách, Khoa Kinh tế & PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

(2) Từ tháng 02/2010 đến tháng 07/2011: Bí thư Liên chi đoàn Khoa Kinh tế & PTNT, trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

(3) Từ tháng 08/2013 đến tháng 05/2015: Học Thạc sỹ tại Học viện Công nghệ Châu Á (AIT) Thái Lan.

(4) Từ tháng 10/2017 đến tháng 09/2020: Học Nghiên cứu sinh tại Đại học Kyushu, Nhật Bản. Phó Bí thư Chi bộ lưu học sinh - thực tập sinh Tây Kyushu, Nhật Bản.

(5) Từ tháng 08/2023 đến tháng 12/2023: Giảng viên chính, Phó trưởng Bộ môn Kinh tế nông nghiệp & Chính sách, Khoa Kinh tế & PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

(6) Từ tháng 01/2024 đến tháng 10/2024: Giảng viên chính, Phó trưởng Bộ môn phụ trách Bộ môn Kinh tế nông nghiệp & Chính sách, Khoa Kinh tế & PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

(7) Từ tháng 11/2024 đến tháng nay: Giảng viên chính, Phó trưởng Bộ môn phụ trách Bộ môn Kinh tế nông nghiệp & Chính sách, Khoa Kinh tế & Quản lý, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ môn phụ trách.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Kinh tế nông nghiệp & Chính sách, Khoa Kinh tế & Quản lý, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.62617586

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 08 năm 2008; số văn bằng: 0149697; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 23 tháng 05 năm 2015; ngành: Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Nơi cấp bằng ThS: Học viện Công nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan.

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 09 năm 2020; số văn bằng: 1068; ngành: Kinh tế nông nghiệp & nguồn lực; Nơi cấp bằng TS: Đại học Kyushu, Nhật Bản.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng 1: Chính sách và quản lý kinh tế trong nông nghiệp: Bao gồm các chủ đề về hoạch định và thực thi các chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn như: chính sách đất đai, giảm nghèo bền vững, chuyển đổi số; đổi mới tổ chức sản xuất và quản lý kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn; ảnh hưởng của chính sách và cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp đến sinh kế và giảm nghèo bền vững cho cư dân nông thôn, đặc biệt là hộ nông dân.

Hướng 2: Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn: Cải thiện hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp; nâng cao năng lực liên kết và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm nông sản; quản lý chất thải trong nông nghiệp và phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

12. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn.....0..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn **12 HVCH** bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ ngành Kinh tế nông nghiệp và Quản lý kinh tế.
- Đã hoàn thành **03 đề tài NCKH** từ cấp cơ sở trở lên, với vai trò là **chủ nhiệm** đề tài, cụ thể như sau:
 - + 01 đề tài NCKH cấp trường với vai trò **chủ nhiệm** thực hiện từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2012 nghiệm thu đạt loại Khá.
 - + 01 đề tài NCKH cấp thành phố Hà Nội với vai trò **chủ nhiệm**, thực hiện từ tháng 08/2022 đến tháng 12/2023 đã nghiệm thu đạt mức Tốt.
 - + 01 đề tài NCKH cấp tỉnh Thái Bình với vai trò **chủ nhiệm**, thực hiện từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2024 đã nghiệm thu ở mức Đạt.
- Đã công bố **54** bài báo khoa học trong kỷ yếu hội thảo khoa học và trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, trong đó **13** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus; là tác giả chính của **04** bài xuất bản sau tiến sĩ thuộc danh mục ISI/Scopus.
- Đã được cấp **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Đã xuất bản **06** sách, giáo trình bao gồm: **02** giáo trình là chủ biên, **02** giáo trình là thành viên, **01** sách chuyên khảo phục vụ đào tạo là chủ biên và **01** sách chuyên thảo phục vụ đào tạo là thành viên.

13. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở của Học viện các năm 2011-2012, 2020-2021.
- Giải thưởng Bài báo sinh viên xuất sắc năm 2020 (Student Paper Award) của Tạp chí Geoforum (SSCI; IF: 3,1 Q1; Scopus: Q1) thuộc nhà xuất bản Elsevier.

14. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong hơn 16 năm công tác tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam với nhiều nhiệm vụ được phân công khác nhau như Phó trưởng Bộ môn Kinh tế nông nghiệp & Chính sách, nay là Phó trưởng Bộ môn phụ trách, Phó bí thư Chi bộ Lưu học sinh, thực tập sinh tại Fukuoka, Nhật Bản, Bí thư Liên chi đoàn Khoa Kinh tế & PTNT, ứng viên xin tự đánh giá bản thân dựa vào các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo như sau:

Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống: Ứng viên luôn thể hiện phẩm chất đạo đức tốt, lối sống giản dị, lành mạnh, có mối quan hệ thân thiện với bạn bè, đồng nghiệp và cộng đồng nơi cư trú; có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối cách mạng của Đảng, chấp hành tuyệt đối chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước. Ứng viên luôn có tinh thần đoàn kết, giữ mối quan hệ tốt với đồng nghiệp, sẵn sàng chia sẻ cùng đồng nghiệp và hỗ trợ sinh viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Về công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học: Ứng viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được giao theo nhiệm vụ của Nhà giáo quy định trong Luật Giáo dục, luôn tâm huyết với nghề, giữ đúng tác phong và đạo đức của một nhà giáo. Ứng viên luôn có ý thức tự rèn luyện bản thân, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia thực hiện và hoàn thành tốt các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học. Tích cực tham gia giảng dạy các môn học thuộc các chương trình đào tạo bậc đại học, thạc sĩ; tham gia biên soạn và chủ biên giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, học viên cao học thực hiện luận văn cũng như hướng dẫn các NCS thực hiện luận án. Bên cạnh đó, ứng viên chủ động, tích cực là chủ nhiệm và tham gia nhiều nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp theo các định hướng nghiên cứu; đồng thời tích cực hợp tác, trao đổi nghiên cứu, đào tạo với các đồng nghiệp trong nước và quốc tế.

Về phát triển cộng đồng: Bên cạnh hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn quan tâm đến công tác phát triển cộng đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ, tập huấn, tư vấn thiết kế dự án, tư vấn chính sách và giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam và kết nối với các địa phương, tổ chức trong và ngoài nước. Trong thời gian công tác, ứng viên tham gia tập huấn, tư vấn, thiết kế các dự án với các địa phương trong nước về các vấn đề liên quan đến phát triển chính sách phát triển kinh tế hộ, cải thiện sinh kế cho nông hộ, đảm bảo an ninh lương thực, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, phát triển chuỗi giá trị và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó, ứng viên còn tham gia tư vấn cho các tổ chức phi chính phủ để triển khai các dự án phát triển cộng đồng như World Vision, ILO, FAO, JICA...

Về công tác khác: Ngoài ra ứng viên còn tham gia xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo bậc đại học và thạc sĩ, tham gia xây dựng đề cương một số môn học phụ trách trình độ đại học và sau đại học cho các ngành Kinh tế nông nghiệp, Quản lý kinh tế và Phát triển nông thôn. Bên cạnh các hoạt động chuyên môn, ứng viên tích cực tham gia các hoạt động phong trào đoàn thể của Bộ môn, Khoa và Học viện. Ứng viên luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ khác của Bộ môn, Khoa, và Học viện phân công; chấp hành nghiêm các nội quy, quy định của Bộ môn, Khoa và Học viện.

Với những nỗ lực và kết quả đạt được trong suốt hơn 16 năm công tác, ứng viên tự nhận thấy mình đáp ứng đủ tiêu chuẩn xét Phó giáo sư đối với nhà giáo theo quy định hiện hành.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: Tính đến tháng 06/2025, ứng viên có 11 năm 08 tháng thực hiện nhiệm vụ đào tạo (không tính 4 năm 10 tháng đi học tập thạc sĩ và nghiên cứu sinh ở nước ngoài).
- Trong 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ, kết quả đào tạo của ứng viên cụ thể như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017	0	0	0	14	720	0	720/1.748,1/260 ^(*)
2	2020-2021	0	0	0	6	270	120	390/867,7/203 ^(**)
3	2021-2022	0	0	0	9	405	240	645/1.506,4/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	8	5	345	120	465/1.238,1/270
5	2023-2024	1	0	3	8	240	105	345/835,6/224 ^(***)
6	2024-2025	4	0	1	2	255	60	315/628,7/240 ^(****)

Ghi chú:

^(*) Định mức giảng dạy theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGĐT ngày 28/11/2008 của Bộ GD&ĐT và Quyết định số 02/QĐ-NNH ngày 02/01/2012 của Hiệu trưởng trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội: Định mức giờ chuẩn cho giảng viên có hệ số lương từ 2,34 đến 3,33 là 260 giờ.

^(**) Quyết định số 4795/QĐ-HVN ngày 17/12/2020 của GD Học viện về tiếp nhận viên chức hoàn thành chương trình đào tạo NCS. Định mức giảng dạy năm học được tính 9 tháng (10/2020-06/2021) theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ GD&ĐT; Quyết định số 701/QĐ-HVN ngày 12/03/2020 của GD Học viện: Định mức giờ chuẩn cho giảng viên là 270 giờ.

^(***) 85% giờ chuẩn cho chức vụ Phó trưởng Bộ môn và 80% giờ chuẩn cho chức vụ Trưởng Bộ môn theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ GD&ĐT; Quyết định số 2376/QĐ-HVN ngày 15/08/2018; Quyết định số 701/QĐ-HVN ngày 12/03/2020; Quyết định số 607/QĐ-HVN ngày 28/01/2022 của GD Học viện quy định chế độ làm việc đối với giảng viên: Định mức giờ chuẩn cho giảng viên là 270 giờ.

^(****) 80% giờ chuẩn cho chức vụ Trưởng Bộ môn theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ GD&ĐT, Quyết định số 6093/QĐ-HVN ngày 20/22/2024 của GD Học viện quy định chế độ làm việc đối với giảng viên: Định mức giờ chuẩn cho giảng viên là 300 giờ.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS ☒ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH tại nước: Nhật Bản năm 2020.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh cho học phần Chính sách Nông nghiệp thuộc Chương trình đào tạo đại học chất lượng cao hệ chính quy ngành Kinh tế nông nghiệp.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện Nông nghiệp Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Anh Văn		x	x		10/2021 – 09/2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	27/03/2023
2	Phạm Văn Quang		x	x		10/2021 – 09/2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	27/12/2022
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc		x	x		10/2021 – 09/2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	27/12/2022
4	Đình Quang Huy		x	x		04/2022 – 03/2023	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	04/08/2023
5	Lê Phi Nga		x	x		04/2022 – 03/2023	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	04/08/2023
6	Nguyễn Trịnh Thái Ninh		x	x		04/2022 – 03/2023	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	04/08/2023
7	Phạm Anh Tuấn		x	x		10/2022- 07/2023	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	04/08/2023
8	Phạm Duy Thịnh		x	x		10/2022- 07/2023	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	04/08/2023
9	Trần Thị Ngát		x	x		10/2022- 07/2023	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	04/08/2023
10	Đặng Thị Hiền		x	x		04/2023- 03/2024	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	07/03/2024
11	Vũ Đức Nghĩa		x	x		04/2023- 03/2024	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	07/03/2024
12	Đỗ Xuân Chuyên		x	x		10/2023- 09/2024	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	25/09/2024

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Xóa đói giảm nghèo ở Vùng Tây Bắc: Tác động và định hướng chính sách	TK	NXB Đại học Nông nghiệp, 2016	6	Thành viên	Tập thể tác giả đồng biên soạn	90/QĐ-ĐHNLBG
II	Sau khi được công nhận TS						
2	Giáo trình Kinh tế nông thôn	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2023	7	Đồng chủ biên	Chương 1, trang 1-16, chương 4, trang 59-83	1138/HVN-NXB
3	Giáo trình Kinh tế hộ nông dân	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2023	2	Đồng chủ biên	Chương 1 (14-21), Chương 3 (48-66). Chương 4 (Trang 81-101) Chương 5 (Trang 101-121).	1148/HVN-NXB
4	Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng Nông thôn mới ở thành phố Hà Nội	CK	NXB Văn hóa Dân tộc, 2024	2	Chủ biên	Tập thể tác giả đồng biên soạn	90/QĐ-ĐHNLBG
5	Giáo trình Chính sách nông nghiệp và Phát triển nông thôn	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2024	4	Thành viên	Chương 5 (Trang 122-134)	1145/HVN-NXB
6	Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2024	4	Thành viên	Chương 2 (Trang 35-63)	1172/HVN-NXB

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: Không.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN, PCN, TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến di cư lao động ở làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ tại xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	CN	T2012-06-20, Cấp cơ sở	2012	Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu đề tài KHCN cấp trường mã số T2012-06-20 ngày 10/06/2014; Biên bản nghiệm thu đề tài KH&CN cấp Cơ sở ngày 06/08/2013. Xếp loại: Khá
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Giải pháp phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng Nông thôn mới ở Thành phố Hà Nội đến năm 2030	CN	CT04/04-2022-2, cấp Thành phố	2022-2023	Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện đề tài số 2024 -02-NS-ĐKKQ, Quyết định công nhận kết quả đề tài số 76/QĐ-SKHHCN ngày 18/01/2024; Biên bản nghiệm thu chính thức đề tài KH&CN cấp thành phố ngày 28/12/2023; Giấy xác nhận sử dụng kết quả đề tài ngày 15/04/2025. Xếp loại: Tốt
3	Nghiên cứu đánh giá thực trạng chuyển đổi số và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình	CN	TB-CT/XH 16/23, cấp tỉnh	2023-2024	Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện đề tài số 09-2024/GCN-SKHHCN, Quyết định công nhận kết quả đề tài số 48/QĐ-SKHHCN ngày 05/02/2025, Biên bản nghiệm thu chính thức đề tài KH&CN cấp tỉnh ngày 23/12/2024; Giấy xác nhận sử dụng kết quả đề tài ngày 07/05/2025. Xếp loại: Đạt
4	Ảnh hưởng của các chương trình đầu tư nông nghiệp đại diện đến sinh kế và sự phân hóa nông dân ở vùng dân tộc thiểu số Tây Bắc, Việt Nam	CN	502.01-2021.60, Nafosted	2023-2025	Đề tài đang triển khai theo Quyết định phê duyệt danh mục đề tài số 14/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 26/06/2023.

Ghi chú: Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi công nhận TS								
1	An ninh lương thực và thực phẩm – Một số vấn đề lý luận, thực tiễn và định hướng chính sách cho Việt Nam	3		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ISSN: 0866-7020)			6 (1), 3-10	06/2009
2	Sản xuất và tiêu dùng sản phẩm lúa nếp tan của đồng bào dân tộc Lào, tỉnh Sơn La	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			7/2011, 100-106.	07/2011
3	Các giải pháp phát triển nông nghiệp ở các huyện nghèo tỉnh Bắc Giang	4		Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			170 (II), 76-81	08/2011
4	The diversity of labour migration movements in rural areas: A case study in traditional craft village in the Red River Delta	3		Journal of Science and Develoment (ISSN: 1859-0004)			9 (Eng.Iss. 1): 231 - 240	12/2011
5	Nhận thức và ứng xử của nông dân Đồng bằng sông Hồng đối với rủi ro thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất rau (Link tại đây)	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			184 (II), 89-97	10/2012
6	An ninh lương thực của các hộ nghèo ở huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình: Thực trạng và giải pháp (Link tại đây)	3		Tạp chí Khoa học và phát triển (ISSN: 1859-0004)			12(6), 821-828.	06/2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
7	Nghiên cứu các luồng di cư lao động ở làng nghề Kim Thiều	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			10/2014, 57-60	10/2014
8	Implementation of Poverty Reduction Policies: An Analysis of National Targeted Program for Poverty Reduction in the Northwest Region of Vietnam (Link tại đây)	3		International Journal of Business and Social Science (pISSN: 2219-1933, eISSN: 2219-6021)		11	6(9):76-86	09/2015
9	Ảnh hưởng của một số yếu tố đến giảm nghèo ở vùng Tây Bắc (Link tại đây)	4		Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			222 (II), 32-43	12/2015
10	Điều kiện và quan hệ lao động trong các chuỗi giá trị hàng thủ công mỹ nghệ ở miền Bắc Việt Nam	4		Kỷ yếu hội thảo: Phát triển chuỗi giá trị nông sản phục vụ tái cơ cấu nền nông nghiệp (ISBN: 987-604-924-299-1)			34-42	09/2017
11	Household food security and livelihood strategies in protected areas: A case study in Tay Yen Tu Nature Reserve, Son Dong district, Bac Giang province (Link tại đây)	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 2588-1299)			15 (9) 1266-1276	09/2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
12	Are socialist domestic land grabs egalitarian? Insights from a case involving a rubber plantation in Dien Bien Province, Vietnam (Link tại đây)	5	X	Geoforum (ISSN: 0016-7185)	SSCI (IF: 4,35; Q1)	9	114 (2020), 89-106	06/2020
II Sau khi công nhận Tiến sĩ								
13	Water-use efficiency of alternative pig farming systems in Vietnam (Link tại đây)	6		Resources, Conservation & Recycling (pISSN: 0921-3449; eISSN: 1879-0658)	SCIE (IF: 14,1; Q1)	12		10/2020
14	Chính sách hỗ trợ hợp tác xã OCOP: Thực trạng và giải pháp	8		Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 0866-7120)			21(775): 51-55	07/2021
15	Effect of Provincial Competitiveness Index on Enterprise Attraction in the Central Highlands, Vietnam (Link tại đây)	2		Plos One (eISSN: 1932-6203)	SCIE (IF: 3,2; Q1)	13	16(9):1-16	09/2021
16	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nước trong chăn nuôi lợn trên địa bàn thành phố Hà Nội (Link tại đây)	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			291(2):7 8-89	09/2021
17	Du lịch làng nghề gắn với mở rộng sinh kế người dân vùng ven biển	5	X	Kỷ yếu hội thảo: Giải pháp phát triển du lịch			193-205	11/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				nông nghiệp và vận dụng cho tỉnh Hưng Yên (ISBN: 978-604-344-539-8)				
18	Wastewater Treatment Efficiency of Small and Large-Scale Pig Farms in Vietnam (Link tại đây)	6		Journal of Faculty of Agriculture, Kyushu University (ISSN: 0023-6152)	SCIE (IF: 0,4; Q4)	4	66 (2): 291-297	11/2021
19	Sở hữu đất đai: Tổng quan kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách cho Việt Nam (Link tại đây)	3	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 3030-4458)			20(1): 113-122	01/2022
20	Hiệu quả kỹ thuật trong chăn nuôi lợn thịt quy mô hộ gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội (Link tại đây)	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 3030-4458)			20(8): 1124–1133.	08/2022
21	Tổng quan bối cảnh và giải pháp cho phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn và nông dân (Link tại đây)	12		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 3030-4458)			20(10), 1415–1426	10/2022
22	Hệ thống tiêu chí đánh giá vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam (Link tại đây)	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			305(2), 12–21	11/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
23	A Review of Digital Economy and Digital Economics (Link tại đây)	2	X	Vietnam Journal of Agricultural Sciences (ISSN 2588-1299)		2	6(1): 1745-1753	01/2023
24	Tổng quan vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam (Link tại đây)	3		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 3030-4458)			21(1), 137-147	01/2023
25	Are Forest Development Support Policies Can Help to Reduce Poverty for Ethnic Minorities? A Case Study in the Extreme Poor Region of Northwest, Vietnam (Link tại đây)	7		Journal of the Austrian Society of Agricultural Economics (eISSN:1815-1027; pISSN:1815-8129)	Scopus (IF: 0,5; Q4)		19(5): 1753-1766	05/2023
26	Development of Livestock Farming System and Technical Efficiency: A Case Study on Pig Production in Vietnam (Link tại đây)	5		Journal of Faculty of Agriculture, Kyushu University (ISSN: 0023-6152)	SCIE (IF: 0,4; Q4)	8	68 (1): 79-90	05/2023
27	Evaluation of knowledge, attitude and practice (KAP) toward waste separation at source: the case of Lao Cai City, Lao Cai Province, Vietnam (Link tại đây)	8		Journal of Material Cycles and Waste Management (pISSN: 1438-4957; eISSN: 1611-8227)	SCIE (IF: 3,9; Q2)	3	25: 2984–2995, (2023)	06/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
28	Phát triển cụm liên kết ngành nông nghiệp ở Việt Nam: Trường hợp nghiên cứu với ngành tiêu ở vùng Tây Nguyên (Link tại đây)	3	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (ISSN 2615-9104)			34(8), 68-90	08/2023
29	Phát triển cụm liên kết ngành nông nghiệp: Nghiên cứu trường hợp ngành hàng gạo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Link tại đây)	4	X	Tạp chí Phát triển bền vững Vùng (ISSN: 2354-0729)			13(3), 43-60	09/2023
30	Phát triển cụm liên kết ngành nông nghiệp: Trường hợp nghiên cứu cho ngành hàng tôm ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Link tại đây)	3	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 3030-4458)			21(10): 1358-1371	10/2023
31	Vai trò của các tổ chức chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Ba Vì, Hà Nội (Link tại đây)	6	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 3030-4458)			21(11): 1473-1485	11/2023
32	Chuyển đổi tư duy "chỉ đạo sản xuất" sang tư duy "kinh tế thị trường" trong chiến lược phát triển kinh tế: Một số vấn đề lý luận, thực tiễn và hàm ý chính sách cho Việt Nam	2	X	Tạp chí nghiên cứu Châu Âu (ISSN: 0868 - 3581)			5 (272): 83-94	12/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
33	Các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho thịt lợn an toàn của người tiêu dùng ngoại thành Hà Nội (Link tại đây)	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			318(2), 69–77	12/2023
34	Environmental Efficiency of Pig Production in Chuong My District, Hanoi (Link tại đây)	2	X	Vietnam Journal of Agricultural Sciences (ISSN: 2588-1299)			6(4): 1992-2003	12/2023
35	Feeding modes and technical efficiency of small pig holders in Vietnam: A case study in Hanoi (Link tại đây)	8		Environment, Development and Sustainability (eISSN: 1573-2975)	SCIE, Scopus (IF:6,5; Q1)	3	27, 14419-14435	01/2024
36	Circular Agriculture: A General Review of Theories, Practices, and Policy Recommendations (Link tại đây)	3	X	Vietnam Journal of Agricultural Sciences (ISSN 2588-1299)			7(2): 2173-2184	06/2024
37	Quản lý nhà nước về sử dụng các công trình thủy lợi quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (Link tại đây)	3	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 3030-4458)			22(7), 863-873	07/2024
38	Sự tin tưởng của người tiêu dùng và chỉ tiêu cho rau an toàn: Trường hợp nghiên cứu tại huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (Link tại đây)	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển (ISSN: 1859-0012)			(325), 81–90	07/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
39	Chuyển đổi số trong nông nghiệp: Những vấn đề lý luận và một số đề xuất cho tỉnh Thái Bình (Link tại đây)	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế (ISSN: 0866 - 7489)			7(554): 97-108	07/2024
40	Thực trạng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình	1	X	Kỷ yếu hội thảo: Thực trạng, quan điểm, định hướng và giải pháp PTBV nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân gắn với chuyển đổi số quốc gia, đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu (ISBN: 978-604-924-827-6)			116-125	08/2024
41	Giải pháp công cho phát triển sản xuất chè ở huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (Link tại đây)	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)			18(884), 241-244	09/2024
42	Development of Agro-Based Clusters in Vietnam: A Case Study on Coffee Sector in the Central Highlands (Link tại đây)	2	X	Proceedings of Workshop on Interdisciplinary Sciences 2023 (eBook ISBN: 978-981-97-7850-8)			MFI, volume 38: 160–180	10/2024
43	Đánh giá thực hiện chính sách trợ giúp xã hội ở huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (Link tại đây)	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 3030-4458)			23(1): 65-75	01/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
44	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của chủ căn hộ chung cư ở khu đô thị Vinhomes Ocean Park 1, Hà Nội (Link tại đây)	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)			898 (04), 175-178	02/2025
45	Does formal contract farming improve the technical efficiency of livestock farmers? A case study of fattening pig production in Hanoi, Vietnam (Link tại đây)	5	X	Sustainability (ISSN: 2071-1050)	SSCI, Scopus (IF: 3,3; Q1)	1	17(8), 3557	04/2025
46	Thực trạng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Thái Bình (Link tại đây)	3	X	Tạp chí Khoa học & Công nghệ (eISSN: 2615-9929)			67(4), 28-33	04/2025
47	Tổng quan một số vấn đề lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp vùng ven biển (Link tại đây)	3	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 3030-4458)			23(4): 550-558	04/2025
48	Are livestock effluent standards of Vietnam feasible? Insights from land use of wastewater treatment plants in pig farms (Link tại đây)	2	X	Advances in Decision Sciences (pISSN 2090-3359; eISSN: 2090-3367)	Scopus (IF: 3,9; Q1)		29(2):1-22	05/2025
49	Hoàn thiện cơ chế "một cửa" trong lĩnh vực tư pháp, hộ tịch ở huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định (Link tại đây)	3	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 3030-4458)			23(5): 607-617	05/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
50	Determinants of Farmers' Understanding of Digital Transformation in Agriculture: Evidence from the Red River Delta, Vietnam (Link tại đây)	2	X	Asian Journal of Agriculture and Development (eISSN: 2599-3879)	ESCI (IF:1,6; Q3)		22(1), 58-74	05/2025
51	Đầu tư công cho phát triển hạ tầng nông nghiệp: Tổng quan một số vấn đề lý luận (Link tại đây)	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 3030-4458)			23(6), 802-812	06/2025
52	Rubber plantation land grabs and agrarian change: A political economy analysis of livelihood pathways of ethnic minority groups in Northwest Vietnam (Link tại đây)	6	X	Land (ISSN: 2073-445X)	SSCI (IF: 3,82; Q1)		14(6), 1201	06/2025
53	Giải pháp giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số: Trường hợp nghiên cứu ở huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	3		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế (ISSN: 0866 - 7489)			6 (565), 27-39	06/2025
54	Certification in local food value chains: panel data evidence from the vegetable sector in Vietnam (Link tại đây)	3		Food Security (eISSN: 1876-4525; pISSN: 1876-4517)	SCIE, Scopus (IF:5,6; Q1)		17(4) (2025)	06/2025

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS: **04 bài báo** và thứ tự [45], [48], [50], [52].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
3							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
3							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau TS: Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
3					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
3					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau TS: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Tham gia tổ soạn thảo cải tiến chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế nông nghiệp	Tham gia	Quyết định số 913/QĐ-HVN ngày 04/04/2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc thành lập tổ cải tiến CTĐT	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 4151/QĐ-HVN ngày 14/08/2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp về việc Ban hành CTĐT trình độ đại học	
2	Tham gia tổ soạn thảo cải tiến chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Kinh tế nông nghiệp	Tham gia	Quyết định số 3890/QĐ-HVN ngày 02/08/2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc thành lập tổ cải tiến CTĐT	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 236/QĐ-HVN ngày 14/01/2025 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp về việc Ban hành CTĐT trình độ thạc sỹ	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:
Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lưu Văn Duy